SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 0243.773.0178 **Email**: khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com

ilac-MRA

BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM
VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 19.06.04.131

1.Tên mẫu/*Name of sample* **Nước đã qua xử lý**
2.Tên/địa chỉ khách hàng *Name/Address of customer* Trạm cấp nước Sân Bay Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội
3.Mô tả mẫu/*Sample description* Trong 04 chai x 500mL
4.Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving sample* 04/06/2019
5.Người lấy/gửi mẫu/ *The personnel performing/sending sample(s)* Khách hàng tự gửi mẫu/*By customer*
6.Ngày thực hiện thử nghiệm/*The dates of testing activities* 04/06-10/06/2019
7.Kết quả thử nghiệm/*Test results*

TT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	Giới hạn cho phép *Regular limit QCVN 01:2009*
1	Màu sắc /Color	Cảm quan /Sensory		Không màu	Không màu
2	Mùi vị /Odor	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không mùi vị
3	Độ đục /Turbidity	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,1	6,5 – 8,5
5	Nitrit / Nitrite (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,1	≤ 3
6	Nitrat /Nitrate (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	5,8	≤ 50
7	Sắt tổng số / Iron (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
8	Chỉ số Pecmanganat /Pecmanganate Index	TCVN 6186:1996	mg/L	2,0	≤ 2
9	Clorua /Chloride (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	19,1	≤ 250
10	Độ cứng / Total Calcium and magnesium (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	122	≤ 300
11	Mangan tổng số/ Manganese (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,3
12	Sunphat /Sunfate (*)	SMEWW4500-SO_4^{2-}E	mg/L	<10	≤ 250
13	Nitrit / Nitrite (tính theo N)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,01	
14	Nitrat /Nitrate (tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,3	

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2019/ Hanoi, June 10, 2019

PHÒNG KIỂM NGHIỆM *LABORATORY*	KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG *DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING*	KT.GIÁM ĐỐC *DIRECTOR*
CN. Trần Văn An	**Bs. Nguyễn Mạnh Hùng**	PHÓ GIÁM ĐỐC **Nguyễn Thị Kiều Anh**

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI — TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ *(*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025*
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.*
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/ *The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).*
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/ *This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.*

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 **Email**: khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com

VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/*No.*: 19.06.04.131

1. Tên mẫu: *Name of sample* — Nước đã qua xử lý
2. Tên/địa chỉ khách hàng: *Name/Address of customer* — Trạm cấp nước Sân Bay Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội
3. Mô tả mẫu: *Sample description* — Trong 04 chai x 500mL
4. Ngày nhận mẫu: *Date of receiving sample* — 04/06/2019
5. Người lấy/gửi mẫu: *Sample taking* — Khách hàng tự gửi mẫu *By customer*
6. Ngày thực hiện thử nghiệm: *The dates of testing activities* — 04/06/2019 - 10/06/2019
7. Kết quả thử nghiệm: *Test results*

TT *No.*	**Tên chỉ tiêu** *Characteristic*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Đơn vị** *Unit*	**Kết quả** *Result*	**Giới hạn tối đa cho phép** *Regular limit* QCVN 01:2009/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-2:1996 **	MPN/100mL	**0**	0
2	*Escherichia coli* *	TCVN 6187-2:1996 **	MPN/100mL	**0**	0

8. Nhận xét: *Remarks* — Mẫu nước **đạt** tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống về phương diện vi sinh vật (theo QCVN 01: 2009/BYT)
*This sample **complies** with the standard on drinking waters in term of microbiology (according to QCVN 01: 2009/BYT)*

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2019
Hanoi, June 10, 2019

PHÒNG KIỂM NGHIỆM *LABORATORY*	**KHOA XÉT NGHIỆM** **CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG** *DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING*	**KT. GIÁM ĐỐC** *DIRECTOR*
ThS. Nguyễn Thành Đông	**Bs. Nguyễn Mạnh Hùng**	PHÓ GIÁM ĐỐC **Nguyễn Thị Kiều Anh**

1.(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ *(*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025*
2.(**) Phương pháp sửa đổi (xác định số MPN theo ISO 7218:2007/Amd 1:2013 (E))
Modified method (determination of MPN values using MPN tables given in ISO 7218:2007/Amd 1:2013 (E))
3.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.*
4.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
5.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
6.Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/
Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
7.Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.